

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HÒA THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2022/HNGĐ – ST

Ngày: 25/8/2022

V/v: “tr/chấp ly hôn

Chia tài sản khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HOÀ THÀNH, TỈNH TÂY NINH**

- *Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*
- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Kim Lành.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Phạm Văn Tài;
2. Bà Nguyễn Thị Bích Liễu.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Hoàng Kim Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Bích Du - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 140/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn; Chia tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị **T.T.T.T**, sinh năm 1981. Địa chỉ: Số 40, tổ 6, khu phố L.K, phường L.T.T, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

* *Bị đơn có yêu cầu phản tố:* Anh **N.V.T**, sinh năm 1980. Địa chỉ: Số 40, tổ 6, khu phố L.K, phường L.T.T, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

* *Người có quyền nghĩa vụ liên quan:* Anh **P.T.C**, sinh năm: 1987; Địa chỉ: Số 128, L.K, L.T.T, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09 tháng 5 năm 2022, quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa – nguyên đơn chị T.T.T.T trình bày: Chị và anh T chung sống vợ chồng từ năm 2003, là hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L.T.T (nay là phường L.T.T), thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh. Trong quá trình chung sống vợ chồng, thường xuyên bất đồng quan điểm, anh T không quan tâm, chia sẻ việc nhà với chị T; quan trọng vợ chồng không còn tin tưởng nhau về tình cảm cũng như về tiền bạc trong gia đình. Cụ thể tháng 8/2021 khi chị T về thăm mẹ bị bệnh ở Trà Vinh thời gian hơn một tuần về nhà, anh T gây gổ, không

muốn cho về nhà, sau đó kiếm chuyện đánh chị T, vợ chồng sống ly thân đến nay hơn một năm. Nay vợ chồng chung sống không còn hạnh phúc, hiện tình cảm, tình nghĩa vợ chồng không còn, nên chị T vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn với anh T.

Về con chung: có 02 con chung tên: Nguyễn Thị Trà My, sinh ngày: 01/10/2004, Nguyễn Thị Thảo Nhi, sinh ngày: 10/3/2010. Hiện con chung đang sống chung với chị T.

Sau khi ly hôn chị T yêu cầu trực tiếp nuôi con, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đồng/ con chung.

Về tài sản: Nhà và đất có diện tích 116,8m² tại thửa 865, tờ bản đồ 5, tọa lạc tại khu phố L.K, phường L.T.T, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh là tài sản chung vợ chồng tạo nên trong thời kỳ hôn nhân, phần đất vợ chồng nhận chuyển nhượng từ cha ruột chị T, đến ngày 14/12/2012 UBND huyện Hòa (nay thị xã Hòa thành) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01951 do anh T chị T đứng tên chủ sử dụng đất. Nay chị T yêu cầu chia 4 phần bằng nhau, chị và các con hưởng 3 phần, anh hưởng 1 phần tài sản chung.

Chị T đồng ý kết quả thẩm định, đo đạc định giá ngày 07/7/2022: tổng giá trị tài sản nhà đất cùng công trình trên đất là 1.296.446.000đồng.

Về nợ chung: Anh T, chị T có ký hợp đồng tín dụng vay nợ Ngân hàng TMCP An Bình – chi nhánh Tây Ninh vay số tiền vốn 100.000.000đồng, anh T là người góp trả nợ cho Ngân hàng hàng tháng. Tính đến ngày Hòa giải tại Tòa án, anh T xác định còn nợ Ngân hàng tiền vốn 6.000.000đồng. Nay anh T đã thanh toán hết nợ cho Ngân hàng An Bình, chị T đồng ý trả lại anh T số tiền 3.000.000đồng.

Riêng đối số nợ anh C số tiền số tiền 318.000.000đồng, anh T và anh C cho rằng anh T, chị T còn nợ anh C. Nhưng chị T không biết số nợ này, nên chị T không đồng ý trả nợ anh C.

*** Theo đơn phản tố ngày 21/6/2022, quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, bị đơn –Anh N.V.T trình bày:** Anh T thống nhất với lời trình bày của chị T về quan hệ hôn nhân, xác nhận vợ chồng có đăng ký kết hôn. Xác nhận vợ chồng chung sống không hòa hợp, đã phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn, chung sống không còn hạnh phúc, vợ chồng sống ly thân hơn một năm, hiện vợ chồng không còn tình cảm, tình nghĩa. Nay chị T có yêu cầu xin ly hôn thì anh T cũng đồng ý, vì cả hai vợ chồng không thể tiếp tục sống chung.

Về con chung: anh T thống nhất lời trình bày của chị T về con chung. Sau khi ly hôn anh T đồng ý giao 02 con chung cho chị T trực tiếp nuôi con, anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đồng/ 01 con chung đến khi con chung thành niên.

Về tài sản: Anh T thống nhất lời trình bày chị T về tài sản chung. Tuy nhiên cả hai vợ chồng đều làm muộn sinh sống, chị T lo chi tiêu cơm nước, anh T lo học hành sắm sửa tài sản, vợ chồng tích lũy mua được nhà đất, nhưng do nhà cũ xuống cấp không còn sử dụng được, nên xây dựng mới, mà không có đủ tiền, nên anh T có hỏi mượn nợ anh C là con rể của cô vợ số tiền 400.000.000đồng vào năm 2018 để cất nhà, sau đó anh T làm thuê trả dần anh C, hiện chỉ còn 318.000.000đồng vốn. Việc nợ anh C bản thân chị T biết rõ. Anh T không đồng ý việc chị T không thừa nhận nợ của anh C, vì có số nợ anh C vợ chồng mới xây được nhà hiện nay. Ngoài ra còn khoản nợ Ngân hàng số tiền vốn 100.000.000đồng, anh T là người góp trả nợ Ngân Hàng, đến giai đoạn Tòa án thụ lý giải quyết thì nợ vốn còn nợ hơn 6.000.000đồng. Hiện nay anh T đã thanh toán hết nợ Ngân hàng.

Anh T đồng ý kết quả thẩm định, đo đạc định giá ngày 07/7/2022 thể hiện tổng giá trị tài sản nhà đất cùng công trình trên đất là 1.296.446.000đồng.

Sau khi ly hôn anh T đồng ý việc chia hai tài sản chung, anh yêu cầu nhận tài sản, có nghĩa vụ trả nợ và hoàn trả số tiền cho chị T sau khi thanh toán hết nợ. Nhưng yêu cầu chị T cùng có nghĩa vụ trả nợ chung vợ chồng số tiền 318.000.000đồng mỗi người $\frac{1}{2}$ nợ chung. Đồng thời chị T có nghĩa vụ hoàn trả lại cho anh T $\frac{1}{2}$ khoản nợ Ngân Hàng là 3.000.000đồng. Anh không đồng ý chia tài sản chung vợ chồng chia thành 4 phần.

*** Theo đơn khởi kiện độc lập này 04/7/2022, quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, người có quyền nghĩa vụ liên quan anh P.T.C trình bày:** Trước đây vợ chồng anh T và chị T có mượn nợ của anh C số tiền tổng cộng nhiều lần 400.000.000đồng. Đến ngày 12/10/2018 gút nợ lại anh T có viết và ký nhận nợ trên, mục đích anh T và chị T vay nợ là để cất nhà hiện nay, sau đó anh T có trả dần, hiện còn nợ vốn 318.000.000đồng. Do có quan hệ bà con bên chị T, nên anh C mới cho mượn nợ, chị T cho rằng chị T không biết là không đúng, vì bản thân chị T biết rõ anh T làm muộn thì không có số tiền lớn cùng một lúc để cất nhà. Nay anh chị Ly hôn, anh C có yêu cầu anh T và chị T cùng có nghĩa vụ trả vốn, không yêu cầu tính lãi suất.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành: phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký là đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 27, Điều 30, Điều 33, Điều 37, Điều 38, Điều 51, Điều 56, Điều 59, Điều 60, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử

dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị T và anh T; Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn về chia tài sản chung là tài sản nhà đất và công trình trên đất chia hai mỗi người $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản, giao nhà đất cho anh T quản lý, sử dụng; ông Trọng có nghĩa vụ hoàn trả lại cho chị T $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản; Chấp nhận yêu cầu độc lập của anh C, Buộc anh T và chị T có nghĩa vụ trả nợ cho anh C 318.000.000đồng, chị T có nghĩa vụ hoàn trả cho anh T số tiền 3.000.000đồng nợ Ngân hàng. Tính án phí sơ thẩm hôn nhân, dân sự theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về nội dung vụ án:

[1.1] Về hôn nhân: Chị T và anh T chung sống vợ chồng từ năm 2003, là hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã L.T.T, huyện Hòa Thành (Nay là phường L.T.T, thị xã Hòa Thành), tỉnh Tây Ninh cấp giấy Chứng nhận đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp cần được pháp luật tôn trọng và bảo vệ. Tuy nhiên, chị T, anh T trình bày thống nhất, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2021 và sống ly thân đến nay, nguyên nhân do tính tình không phù hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tin tưởng nhau về tiền bạc cũng như tình cảm, không ai quan tâm đến ai, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị T có đơn yêu cầu ly hôn, anh T cũng đồng ý ly hôn. Do đó, cần ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị T và anh T là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[1.2] Về con chung: Quá trình thu thập chứng cứ, chị T, anh T trình bày thống nhất giao con chung chưa thành niên cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng tên: Nguyễn Thị Trà My, sinh ngày: 01/10/2004, Nguyễn Thị Thảo Nhi, sinh ngày: 10/3/2010. Các con chung anh chị cũng có nguyện vọng xin được sống chung với chị T. Anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đồng/ 1con chung đến khi con chung thành niên, chị T đồng ý mức cấp dưỡng tự nguyện của anh T. Hội đồng xét xử cần ghi nhận.

Anh T được quyền thăm nom con chung không ai có quyền ngăn cản.

[1.3] Về tài sản chung: Chị T, anh T trình bày thống nhất tài sản chung vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân là nhà và đất có diện tích 116,8m² thuộc thửa số 865, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại Khu phố L.K, phường L.T.T, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh. Hiện nay anh T là người đang sử dụng và quản lý tài sản, chị T dọn ra bên ngoài sinh sống. Tại phiên tòa, chị T, anh T thống nhất trị giá nhà đất theo kết luận của Hội đồng định giá ngày 07/7/2022. Xét yêu cầu chị T yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng thành chia 4 phần bằng nhau, chị và 02 chung nhận 3 phần,

anh T nhận 1 phần là không có cơ sở xem xét, vì tài sản chung vợ chồng là do công sức đóng góp, tích lũy của vợ và chồng trong thời kỳ hôn nhân, chỉ có vợ và chồng được phân chia tài sản chung. Nên việc anh T yêu cầu chia hai tài sản chung làm hai phần bằng nhau, mỗi người nhận $\frac{1}{2}$ tài sản là phù hợp cần được chấp nhận.

Tại biên bản thẩm định, đo đạc định giá ngày 07/7/2022 thể hiện: Căn nhà cấp 4 có kết cấu móng bê tông đà kiềng, nền gạch men, cửa đi sắt có găng kiềng, cột bê tông + cột gạch, kèo – đòn tay gỗ xây dựng, trần tấm Prima, máy tol, diện tích $86m^2$, giá trị còn lại là 85%, thành tiền 236.133.000đồng; nhà vệ sinh riêng biệt có diện tích $6,055m^2$, giá trị còn lại là 65%, thành tiền 9.642.587đồng; máy che trước nhà diện tích $21,58m^2$, giá trị còn lại là 50%, thành tiền 7.941.440đồng; được cất trên phần đất có diện tích $116,8m^2$ thuộc thửa số 865, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại Khu phố L.K, phường L.T.T, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh, có đất thực tế 250.000.000đồng/1m ngang tương đương 8.928571đồng/1m², thành tiền 1.042.750.000đồng, đã được UBND huyện Hòa Thành (nay là thị xã Hòa Thành) cấp giấy chứng nhận QSDĐ, số vào sổ cấp giấy CN: CH01951, ngày 14/12/2012 do anh N.V.T, chị T.T.T.T đứng tên chủ sử dụng đất. Tổng tài sản trị giá: 1.296.447.027đồng, làm tròn là 1.296.447.000đồng.

[1.4] Về nợ chung: Quá trình thu thập chứng cứ, chị T, anh T thống nhất trình bày nợ Ngân hàng TMCP An Bình số nợ vốn 100.000.000đồng, nhưng anh T đã góp trả dần cho Ngân hàng, chỉ còn nợ vốn số tiền 6.000.000đồng, quá trình giải quyết tại Tòa án anh T đã đứng ra thanh toán hết nợ cho Ngân hàng, nên anh T yêu cầu chị T hoàn trả lại anh số tiền 3.000.000đồng, chị T đồng ý trả lại anh T số tiền này, nên ghi nhận.

Riêng đối với yêu cầu độc lập của anh P.T.C có yêu cầu vợ chồng anh T, chị T có nghĩa vụ trả số tiền còn nợ là 318.000.000đồng, không yêu cầu tính lãi. Anh T đồng ý trả nợ cho anh C, nhưng anh T yêu cầu chị T có nghĩa vụ trả $\frac{1}{2}$ số nợ này, vì nợ này vợ chồng mượn nợ để cất căn nhà hiện nay, anh T không đồng ý việc chị T không biết số nợ vay anh C, vì có khoản nợ anh C thì vợ chồng mới có tiền để xây nhà. Riêng chị T không biết số tiền vay anh C, do chị không ký nhận nợ, không nghe anh T nói việc mượn nợ anh C. Nên chị T không đồng ý trả nợ anh C. Xét thấy, chị T và anh C đều là người làm mướn, có thu nhập thấp, chị T lo cơm nước trong nhà, anh T là người lo chi phí ăn học cho hai con, mua sắm tài sản trong gia đình, chị T cho rằng không biết số nợ anh C là không phù hợp, vì anh C có mối quan hệ bà con thân thích với chị T, hơn nữa bản thân chị T là người biết rõ thu nhập kinh tế gia đình, việc mua đất cũng như cất nhà là do anh T lo liệu hết, chị không biết gì số tiền cụ thể bao nhiêu, nên việc vay mượn anh C là có thật. Đồng thời tại biên bản hòa giải ngày 29/7/2022, chị T xác định nợ anh C là 318.000.000đồng và nợ Ngân hàng An Bình số tiền còn nợ 6.000.000đồng. Tổng

nợ là 486.000.000đồng. Chị T đồng ý khấu trừ nợ chung, tài sản còn lại chia hai mỗi người nhận tương ứng số tiền 486.223.000đồng. Chị T đồng ý giao nhà đất cho anh T sở hữu sử dụng, anh T có nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng, anh C và hoàn lại tiền cho chị T. Do vậy, đủ cơ sở xác định số nợ anh C là nợ chung vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Nên chấp nhận yêu cầu độc lập anh C là phù hợp. Buộc anh T, chị T có nghĩa vụ trả nợ anh C số tiền 318.000.000đồng, ghi nhận anh C không yêu cầu tính lãi.

Từ những phân tích trên, ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị T và anh T; giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đồng/1con chung; chấp nhận yêu cầu phản tố anh T về việc chia tài sản chung khi ly hôn; chấp nhận yêu cầu độc lập của anh C về việc đòi nợ anh T, chị T. Cụ thể: Tổng giá trị tài sản anh T, chị T 1.296.447.000đồng khấu trừ nợ của anh C 318.000.000đồng, còn lại chia chia mỗi người $\frac{1}{2}$ giá trị $[(1.296.447.000\text{đồng} - 318.000.000\text{đồng}) : 2 = 489.223.500\text{đồng}]$, làm tròn là 489.223.000đồng]. Nay anh T có yêu cầu được nhận nhà đất, chị T đồng ý giao nhà đất cho anh T sở hữu, sử dụng cần ghi nhận. anh T có nghĩa vụ hoàn trả cho chị T $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản còn lại là số tiền 489.223.000đồng – số tiền chị T trả anh T 3.000.000đồng (anh T trả nợ Ngân hàng 6.000.000đồng). Nên anh T có nghĩa vụ trả cho chị T số tiền 486.223.000đồng.

Anh T có nghĩa vụ trả nợ cho anh C số tiền 318.000.000đồng, ghi nhận anh C không yêu cầu tính lãi.

[2] Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Quốc hội khóa 14; chị T chịu án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình; anh T, chị T phải chịu án phí sơ thẩm dân sự về chia tài sản, nghĩa vụ trả nợ theo quy định; anh C không phải chịu án phí sơ thẩm dân sự.

[3] Về chi phí định giá: anh T, chị T phải chịu chi phí định giá.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 27, Điều 30, Điều 33, Điều 37, Điều 38, Điều 51, Điều 56, Điều 69, Điều 71, Điều 72, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị T.T.T.T và anh N.V.T.

2. Về con chung: Giao hai con chung chưa thành niên cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng tên: Nguyễn Thị Trà My, sinh ngày: 01/10/2004, Nguyễn Thị Thảo Nhi,

sinh ngày: 10/3/2010. Anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đồng/1 con chung đến khi con chung thành niên tính từ tháng 8/2022.

Anh T được quyền thăm nom con chung, không ai có quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung, nợ chung:

- Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn anh N.V.T về việc chia tài sản chung khi ly hôn đối với nguyên đơn chị T.T.T.T.

- Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền, nghĩa vụ liên quan anh P.T.C đối với anh T và chị T.

Giao cho anh N.V.T được quyền sở hữu, sử dụng nhà đất và tất cả tài sản gắn liền với đất có diện tích 116,8m² thuộc thửa số 865, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại Khu phố L.K, phường L.T.T, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh. Đất có tứ cận:

- Đông giáp đường số 78A (nhựa) 10m dài 4,15m;
- Tây giáp hẻm 4m dài 4,20m;
- Nam giáp thửa 866 dài 28m;
- Bắc giáp thửa 205 dài 28m.

Anh N.V.T có nghĩa vụ hoàn trả lại cho chị T.T.T.T số tiền 486.223.000đồng (Bốn trăm tám mươi sáu triệu hai trăm hai mươi ba ngàn đồng).

Anh N.V.T có nghĩa vụ trả lại cho anh P.T.C số tiền 318.000.000đồng (Ba trăm mười tám triệu đồng).

Kể từ ngày chị T, anh C có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Trong không chịu trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng anh T còn phải trả số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Anh N.V.T có nghĩa vụ liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục sang tên diện tích sử dụng theo quyết định bản án tuyên.

2. Về chi phí thẩm định, đo đạc định giá: Anh T, chị T mỗi người chịu 1.207.500đồng, nhưng anh T đã tạm nộp 2.415.000đồng, nay hoàn trả lại cho anh T 1.207.500đồng. Buộc chị T nộp vào 1.207.500đồng để hoàn trả cho anh T.

3. Về án phí: Chị T.T.T.T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm Hôn nhân & gia đình; 31.668.000đồng án phí sơ thẩm dân sự bao gồm án phí chia tài sản chung và án phí nghĩa vụ thanh toán nợ, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng theo biên lai thu số 0020747, ngày 13.5.2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh. Chị T còn phải tiếp tục nộp 31.668.000 (Ba mươi một triệu sáu trăm sáu mươi tám ngàn) đồng án phí sơ thẩm dân sự.

Anh N.V.T phải chịu 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con và 31.518.000đồng án phí sơ thẩm dân sự bao gồm án phí chia tài sản chung và án phí nghĩa vụ thanh toán nợ, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 12.500.000đồng theo biên lai thu số 0020829, ngày 21.6.2022 của Chi cục Thi

hành án dân sự thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh. Anh T còn phải tiếp tục nộp 19.318.000 (Mười chín triệu ba trăm mười tám ngàn) đồng án phí sơ thẩm dân sự.

Anh P.T.C không phải chịu án phí sơ thẩm dân sự; Hoàn trả lại cho anh C số tiền đã nộp tạm ứng án phí 7.950.000 đồng theo biên lai thu số 0020856, ngày 04.7.2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho đương sự biết có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh
- VKSND tỉnh Tây Ninh
- VKSND TX Hoà Thành.
- CC.THADS TX Hoà Thành.
- UBND xã Trường Đông
- Các đương sự;
- Lưu tập án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Thị Kim Lành